

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HS-ST

Ngày: 10-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Sơn Ngọc S, sinh năm 1987 tại tỉnh T; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã A, huyện T, tỉnh T; chỗ ở: Khu phố 4, phường H, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn M, sinh năm 1957 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Kim Thị L, sinh năm 1990; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/12/2020 đến ngày 19/12/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Cao Ngọc L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại: Ngân hàng TMCP TM; trụ sở: Số 266-268, đường N, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Bá D, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019), có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Son Ngọc S làm công nhân tại công ty TNHH Sản xuất Gốm C (địa chỉ tại khu phố 4, phường T, thị xã Bến Cát) và ở trọ tại nhà trọ bên trong công ty. Khoảng 06 giờ ngày 10/12/2020, S đi đến trụ ATM của Ngân hàng TM thuộc khu phố A, phường H, thị xã Bến Cát, dùng thẻ ATM của Ngân hàng K do vợ của S là Kim Thị L đứng tên chủ tài khoản để rút tiền. Trước khi rút tiền, S kiểm tra số tiền trong tài khoản còn 11.138.220 đồng, rồi bắt đầu thực hiện thao tác rút tiền. Lần thứ nhất, S rút được 3.000.000 đồng. S nhập rút tiếp lần thứ hai và lần thứ ba, mỗi lần 3.000.000 đồng thì tài khoản bị trừ tiền nhưng máy không đưa tiền ra. Lần thứ tư, S tiếp tục nhập rút 1.000.000 đồng thì rút được tiền nên S tiếp tục nhập rút thêm lần thứ năm 1.000.000 đồng thì cũng nhận được tiền. Lần thứ sáu, S nhập rút tiếp 1.000.000 đồng thì máy ATM báo tài khoản không đủ tiền. S kiểm tra số dư tài khoản thì phát hiện tài khoản còn 57.000 đồng trong khi S chỉ nhận được 5.000.000 đồng.

Do không nhận được tiền nhưng bị trừ tiền trong tài khoản, S liền gọi điện thoại cho tổng đài của Ngân hàng TM để hỏi lý do thì được hướng dẫn là liên hệ với Ngân hàng K là nơi S mở tài khoản để được giải quyết. Nhưng do tới giờ đi làm nên S đi về công ty làm việc. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S gọi điện thoại cho tổng đài Ngân hàng K báo sự việc bị trừ tiền trong tài khoản thì được trả lời trong vòng 45 ngày sẽ giải quyết. Do nghĩ ngân hàng trừ tiền nhầm nên S đi đến trụ ATM Ngân hàng V thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, để kiểm tra thì thấy kết quả trong tài khoản đúng chỉ còn 57.000 đồng. S tiếp tục quay về công ty làm việc.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, hết giờ làm, S cùng bạn làm chung uống rượu bia tại công ty. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, S đi về phòng trọ của mình thì vợ S là chị L hỏi rút tiền lương chưa. S kể lại sự việc trên cho L nghe. Lúc này, S bức tức và nảy sinh ý định đi đến trụ ATM của Ngân hàng TM gọi điện thoại cho tổng đài ngân hàng nếu không liên lạc được sẽ đập phá cho bỏ tức. S đi ra phía trước phòng trọ tìm nhặt được 01 cây búa (dài 35 cm) rồi điều khiển xe mô tô biển số 84G1-431.15 đi đến phía trước trụ ATM của Ngân hàng TM tại khu phố A, phường H, thị xã Bến Cát thì dừng lại. Tại đây, S dùng điện thoại gọi đến tổng đài ngân hàng nhưng không liên lạc được, S liền đi vào trong trụ ATM (có 02 máy rút tiền), S dùng cây búa mang theo đập nhiều cái vào màn hình và đầu nhập thẻ của máy ATM bên trái rồi ra về. Khi về đến phòng trọ, S kể sự việc đã đập phá máy rút tiền trụ ATM cho L nghe rồi S cùng L đến Công an phường H tự thú. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 Cây búa dài 35 cm, đầu bằng kim loại, cán bằng nhựa cứng, màu đỏ đen; 01 áo thun màu xanh; 01 quần ngắn màu xám; 01 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Son Ngọc S; 01 thẻ rút tiền ATM của Ngân hàng K; 03 biên lai tra cứu số dư thẻ ATM; 03 biên lai rút tiền thẻ ATM.

Theo Kết luận định giá tài sản số 303/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: 01 Màn hình giao dịch LCD Monitor trị giá 12.402.500 đồng; 01 bàn phím chính EPP máy rút tiền tự động – ATM trị giá 43.692.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 56.094.500 đồng.

Ngày 10/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã trao trả 01 áo thun màu xanh, 01 quần ngắn màu xám; 01 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Sơn Ngọc S; 01 thẻ rút tiền ATM của Ngân hàng K cho Sơn Ngọc S.

Ngày 25/02/2021, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Ngân hàng TMCP TM số tiền 56.094.500 đồng. Đại diện Ngân hàng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Sơn Ngọc S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSBC ngày 16/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Sơn Ngọc S về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sơn Ngọc S từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 Cái búa dài 35 cm, đầu bằng kim loại, cán bằng nhựa cứng, màu đỏ đen.

Bị cáo Sơn Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ý kiến bảo chữa của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh, điều khoản mà Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo, thống nhất với mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú; phía bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 02 con nhỏ; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất bộc phát, do tiền lương là khoản thu nhập chính hàng tháng của gia đình bị cáo nhưng việc máy ATM bị lỗi khiến bị cáo không rút được dẫn đến việc bị cáo không kiềm chế được sự nóng giận nhất thời mới thực hiện hành vi

phạm tội; bị cáo có nơi rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhẹ nhất có thể nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có tranh luận gì thêm với đại diện Viện Kiểm sát.

Đại diện bị hại đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do bức tức vì không rút được tiền nhưng vẫn bị trừ tiền trong tài khoản thẻ ATM trước đó nên vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 10/12/2020, tại trụ ATM của Ngân hàng TMCP TM đặt tại khu phố A, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo Sơn Ngọc S đã có hành vi dùng búa đập vào màn hình và đầu nhập thẻ máy rút tiền của trụ ATM gây ra thiệt hại về tài sản với tổng giá trị thiệt hại là 56.094.500 đồng.

[2.2] Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì không kiềm chế được sự nóng giận nhất thời của bản thân mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[2.3] Hành vi của bị cáo Sơn Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 69/CT-VKSBC ngày 16/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Sơn Ngọc S về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra tự thú; đại diện bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật cũng còn hạn chế; bị cáo và vợ làm công nhân, lương được trả qua thẻ ATM là nguồn sống chính của gia đình bị cáo. Do lỗi của hệ thống ATM nên bị cáo đã không rút được tiền lương để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hằng ngày đối với người lao động, làm cho bị cáo có sự chán nản, thất vọng, nóng giận nhất thời, không kiềm chế được bản thân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại. Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 áo thun màu xanh; 01 quần ngắn màu xám; 01 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Sơn Ngọc S; 01 thẻ rút tiền ATM của Ngân hàng K là những vật chứng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho bị cáo là phù hợp. 03 Biên lai tra cứu số dư thẻ ATM và 03 biên lai rút tiền thẻ ATM được lưu tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 cây búa dài 35 cm, đầu bằng kim loại, cán bằng nhựa cứng, màu đỏ đen. Xét đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Xét ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 178; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 106; Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Sơn Ngọc S phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Sơn Ngọc S 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Sơn Ngọc S cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy; 01 (một) Cái búa dài 35 cm, đầu bằng kim loại, cán bằng nhựa cứng, màu đỏ đen (*Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/4/2021*).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Sơn Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- UBND phường T, thị xã B, tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Đỗ Thị Nhung